

KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ DÙNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG XÃ HỘI CỦA THẾ HỆ GEN Z

VŨ THI KIM HOA¹
NGUYỄN NGỌC ANH²

Abstract: In the current cultural and social context, Generation Z is choosing and using language for communication in a very distinctive way, creating language variations with distinctive features warranting exploration. This paper focuses on investigating the characteristics of Generation Z's language used on social media platforms, based on the theoretical framework of sociolinguistics and data from popular social media sites in Vietnam.

Keywords: Gen Z, cyberspace, language variation, sociolinguistics.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người. Cùng với sự phát triển, biến đổi của văn hóa xã hội và thời đại, ngôn ngữ cũng không ngừng biến đổi để thực hiện chức năng của mình. Không là ngoại lệ, trong bối cảnh hội nhập và sự bùng nổ của khoa học công nghệ, tiếng Việt cũng đang có sự biến đổi sâu sắc trên nhiều phương diện, từ ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa đến ngữ pháp, ngữ dụng.

Sự biến đổi và phát triển của tiếng Việt trong hành chức tạo ra nhiều phương ngữ xã hội (PNXH) với nhiều đặc điểm khác nhau. Có nhiều tiêu chí phân loại các PNXH như tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, địa vị, bối cảnh/môi trường giao tiếp... Trong số các kiểu PNXH theo tuổi, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến ngôn ngữ của giới trẻ, cụ thể là thế hệ Gen Z (nhóm người được sinh trong khoảng thời gian từ năm 1997 đến 2012). Bởi lẽ, đây là lực lượng đông đảo trong xã hội, cũng là đối tượng mà hành vi ngôn ngữ có những biến đổi sâu sắc, phản ánh rõ ràng nhất ảnh hưởng của bối cảnh thời đại xã hội đến đặc điểm của ngôn ngữ.

Nếu thế hệ 8x, 9x có *teencode* (kí hiệu ngôn ngữ giới trẻ) thì thế hệ Gen Z (gọi tắt là Gen Z) cũng có một loại ngôn ngữ của riêng họ, được sử dụng rộng rãi nhất trong môi trường mạng xã hội. Gen Z đã sáng tạo ra hệ thống các biến thể ngôn ngữ như một mã ngôn ngữ riêng biệt để giao tiếp trong cộng đồng mạng. Việc tìm hiểu đặc điểm nhóm biến thể ngôn ngữ này sẽ góp phần nhất định trong việc phân tích xu hướng biến đổi và phát triển tiếng Việt thời đại ngày nay.

2. Một số khái niệm liên quan

2.1. Biến thể ngôn ngữ

Biến thể (variant) là những hình thức khác nhau của một hằng thể. Trong quá trình vận dụng ngôn ngữ, các từ luôn luôn được tái hiện với tư cách là những đơn vị có sẵn và mỗi một từ luôn luôn được gặp trong những trường hợp sử dụng riêng biệt khác nhau, trong những trường hợp tái hiện khác nhau của nó. Nếu coi từ đó là một hằng thể thì những trường hợp sử dụng khác nhau của nó là những biến thể [2, tr.59].

Biến thể còn được hiểu là những hình thức khác nhau của một biến tố. Các nhà ngôn ngữ học xã hội thường lấy đơn vị nghiên cứu là các biến thể của các biến tố ngôn ngữ nào đó trong mối tương quan với các biến tố xã hội [2, tr.59].

Biến thể ngôn ngữ (BTNN) là đối tượng nghiên cứu của Ngôn ngữ học xã hội. Nguyễn Văn Khang [5] quan niệm BTNN là các hình thức tồn tại và biến đổi của ngôn ngữ, là các biểu hiện của ngôn ngữ

¹ ThS, Trường Đại học Hà Nội

² ThS, Trường Đại học Hà Nội

được sử dụng phổ biến trong hoàn cảnh xã hội giống nhau với các đặc trưng xã hội giống nhau. BTNN có các hình thức biểu hiện rất đa dạng, ở nhiều cấp độ khác nhau. Ở cấp độ lớn, BTNN có thể là phương ngữ, phong cách nói năng, ở cấp độ nhỏ có thể là một từ, một âm vị cụ thể. BTNN có khả năng biểu hiện ý nghĩa, phân biệt chức năng xã hội, là hình thức ngôn ngữ có sự phân bố xã hội.

Trong khuôn khổ bài viết này, ngôn ngữ mạng xã hội của Gen Z được nhìn nhận như một biến thể ngôn ngữ với các hình thức biểu hiện, biến đổi cụ thể, khác biệt với ngôn ngữ chuẩn mực toàn dân. Phạm vi khảo sát chủ yếu ở cấp độ từ ngữ với bình diện ngữ âm - chữ viết, ngữ nghĩa, cấu tạo từ, bên cạnh đó là một số hiện tượng ngữ pháp đáng chú ý.

2.2. Ngôn ngữ mạng

Mạng xã hội (social media) là các dịch vụ trên nền web cho phép các cá nhân, tổ chức kết nối, tương tác và xây dựng cộng đồng bằng cách tạo điều kiện để họ sáng tạo, chỉnh sửa, chia sẻ và gắn kết với các nội dung do chính người dùng tạo ra và dễ dàng truy cập. Có nhiều loại, hình thức mạng xã hội khác nhau như: các trang web kết nối xã hội (Facebook, LinkedIn...), trang blogs, wikis, nền tảng cộng tác biên tập nội dung (Google Docs...), nền tảng nhắn tin (Zalo, Telegram...), podcast, chia sẻ đa phương tiện (YouTube, Vine), nền tảng tin tức xã hội (Reddit)... Hiện nay ở Việt Nam, nền tảng mạng xã hội phổ biến nhất là Facebook, Youtube, Twitter, Instagram, Tiktok, Tinder..., kèm theo đó là sự xuất hiện của các ứng dụng giao tiếp trên mạng như Zalo, Viber, Wechat... .

Những người sử dụng Internet lập thành một cộng đồng giao tiếp trên mạng, gọi tắt là *cộng đồng mạng*, trong đó họ là thành viên, gọi là *cư dân mạng*.

Ngôn ngữ mạng là một thuật ngữ được dùng để chỉ mọi sự giao tiếp thông qua máy tính (computer-mediated communication, gọi tắt là CMC) và mạng Internet. Theo Nguyễn Văn Khang [7], ngôn ngữ mạng là một biến thể xã hội của một ngôn ngữ cụ thể, chẳng hạn ngôn ngữ mạng của tiếng Việt, ngôn ngữ mạng của tiếng Anh... Biến thể ngôn ngữ này được cư dân mạng sử dụng trên không gian mạng, được sản sinh và xuất hiện cùng cư dân mạng.

Một cách khái quát, ngôn ngữ mạng có thể được phân thành 3 loại:

- 1/ Ngôn ngữ đời thường được dùng trên mạng.
- 2/ Ngôn ngữ chuyên ngành của lĩnh vực khoa học công nghệ (chẳng hạn: *máy tính, bàn phím, phần mềm, ứng dụng, hacker, virut...*).
- 3/ Ngôn ngữ mạng đặc điểm riêng thích hợp để sử dụng trong không gian mạng, bao gồm: ngôn từ và các biểu tượng (icon), kí hiệu chuyên biệt.

Khi nói đến ngôn ngữ mạng với tư cách là một biến thể ngôn ngữ xã hội đặc thù, chúng tôi tập trung phân tích đặc điểm của loại thứ 3 - biến thể ngôn ngữ chỉ xuất hiện trên mạng.

Đối tượng tham gia vào cộng đồng mạng khá phong phú, từ lứa tuổi thiếu niên, tuổi thanh niên, tuổi trung niên... Thông thường, tuổi tác khác nhau sẽ có phương thức biểu đạt ngôn ngữ khác nhau. Tuy nhiên, ở ngôn ngữ mạng, ranh giới phân tầng này khá mờ, đôi khi bị xóa nhòa, tạo nên xu thế “mạng hoá” ngôn ngữ. Một người trung niên khi tham gia giao tiếp trong cộng đồng mạng hoàn toàn có thể sử dụng các biến thể ngôn ngữ phi chuẩn, chẳng hạn như:

- *Hum nay kon có về ăn cơm hum?*
- *Hôm nay mẹ kon mình đi quẩy đi!*
- *Ok, sang đến nơi nhớ seo phì rồi gửi ảnh check in cho mẹ nhé!*

Mặc dù vậy, trong số các tiểu cộng đồng mạng, tiểu cộng đồng Gen Z chiếm số lượng đông đảo nhất, ngôn ngữ mạng của họ mang đặc trưng rõ nét nhất với nhiều biến thể nhất. Hệ thống biến thể

ngôn ngữ do Gen Z tạo ra trên mạng luôn vận động không ngừng. Bên cạnh đó, có những từ ngữ, kết cấu mới lạ được Gen Z sử dụng mà nhóm đối tượng khác trong cùng cộng đồng mạng vẫn chưa thể giải mã được. Vấn đề tìm hiểu, phân tích đặc điểm, cơ chế hình thành ngôn ngữ Gen Z là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa nhất định trong nghiên cứu NNHXH.

2.3. Khái quát về tiểu cộng đồng Gen Z

Gen Z là viết tắt của Generation Z (thế hệ Z). Theo từ điển Oxford, Gen Z là những người sinh ra trong khoảng thời gian từ cuối những năm 1990 cho đến 2012. Quãng tuổi phổ biến và được chấp nhận rộng rãi nhất là 1997-2012.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2021, Gen Z đóng góp 1/3 lực lượng lao động của Việt Nam vào năm 2025. Đây cũng được xem là thế hệ “thuần chủng số” (digital native) vì họ được sinh ra vào thời điểm Internet phát triển lên một cấp độ cao mới, cùng với sự xuất hiện của các công nghệ thiết bị di động, đám mây (cloud), làm sản sinh nhiều nền tảng số đáp ứng các nhu cầu khác nhau của con người, trong đó mạng xã hội là một ví dụ điển hình.

Gen Z có một số đặc điểm nổi trội như: tiếp xúc và sử dụng công nghệ từ sớm, ưa thích và có nhu cầu sử dụng đồ công nghệ cao; có nhu cầu tương tác xã hội, chia sẻ cảm xúc trong môi trường ảo; tính sáng tạo cao, ưa phá cách, tiên phong trong việc tạo nên xu hướng mới. Chính những đặc điểm này đã chi phối đến hành vi sử dụng ngôn ngữ trên mạng của tiểu cộng đồng Gen Z.

3. Nguồn tư liệu khảo sát

Tư liệu để thực hiện khảo sát trong khuôn khổ bài viết này được tập hợp từ các nguồn sau:

- Kết quả khảo sát trực tuyến với số mẫu 250 người, trong đó 70,8% là sinh viên Trường Đại học Hà Nội; 17,6 học sinh khối phổ thông (từ lớp 5 đến lớp 9) và các đối tượng khác (11,6%);

- “Chữ với nghĩa” - Chuỗi bài viết giải thích những từ tiếng Việt đang thịnh hành, đăng trên website của Công ty TNHH VIETCETERA (<http://vietcetera.com>);

- Các diễn đàn, trang mạng xã hội phổ biến của Gen Z:

- + <https://www.facebook.com/CotSongGenZ.Page>;

- + <https://www.facebook.com/groups/genzkhottinh>;

- + <https://www.facebook.com/daylagenz>;

- + <https://kenh14.vn/>.

- Các trang mạng cá nhân của một số người nổi tiếng thuộc Gen Z.

Về cơ bản, đặc điểm ngôn ngữ dùng trên không gian mạng của Gen Z được nhóm khảo sát xem xét trên các bình diện sau: (1) Biến thể tiếng Việt của Gen Z trên không gian mạng; (2) Biến thể tiếng nước ngoài của Gen Z trên không gian mạng.

4. Kết quả khảo sát

4.1. Biến thể tiếng Việt của Gen Z trên không gian mạng

4.1.1. Biến thể ngữ âm - chính tả

Âm tiết tiếng Việt không chỉ là đơn vị ngữ âm thuần túy mà còn là đơn vị mang nghĩa. Gần như toàn bộ âm tiết tiếng Việt đều hoạt động như từ. Âm tiết tiếng Việt có cấu trúc 2 bậc, gồm 5 thành phần là âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu.

Khi sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trên không gian mạng, tùy vào từng bối cảnh giao tiếp cụ thể, âm tiết tiếng Việt có các biến thể ngữ âm - chính tả khác nhau. Nhờ đó, tiếng Việt trên mạng của Gen Z trở nên phong phú, đa dạng và nhiều sáng tạo trong cách đọc, cách viết.

Dưới đây là kết quả khảo sát các biến thể ngữ âm - chính tả tiêu biểu:

Bảng 1. Các biến thể ngữ âm - chính tả tiêu biểu trong ngôn ngữ mạng của Gen Z

STT	Biến thể ngữ âm	Chuẩn ngữ âm	Biến đổi âm đầu	Biến đổi âm đệm	Biến đổi âm chính	Biến đổi âm cuối	Biến đổi thanh điệu
1	cột (sống)	cuộc (sống)			x		
2	cú	cứu			x	x	
3	chăm (cảm)	trăm (cảm)	x		x		
4	chếc	chết				x	
5	chót	chết			x		
6	chóa	chó		x	x		
7	tiệc	tiệt				x	
8	kêm	cắm			x		x
9	đa / za	ra	x				
10	dễ / zê	vê	x				
11	lào	nào	x				
12	lũì	lỗi			x		
13	êm	em					x
14	gỏi	rỏi	x				
15	lém	lắm			x		
16	mlem	không có âm tiết tương ứng					
17	hạp	hợp			x		
18	hem	không	x		x	x	
19	hong/ hông	không	x		(x)		
20	hoy	thôi	x		x		
21	hum	hôm			x		
22	khum	không			x	x	
23	pé	bé	x				
24	pang / fang	phang	x				
25	soq	xong	x		x	x	
26	sin	xin	x				
27	thoai	thôi		x	x		
28	troài	trời		x	x		
29	tròy	trời			x		
30	trmúa	chúa	x				
31	truất	chất	x	x			
32	hmề	hề	x				
33	thềng	thằng			x		
34	xênh	xinh			x		
35	xun	xinh			x	x	

Nhìn bảng trên ta thấy, sự biến đổi ngữ âm xảy ra ở tất cả các thành phần âm tiết, trong đó biến đổi âm đầu và âm chính chiếm tỉ lệ cao nhất, tiếp đến là các thành phần còn lại (âm đệm, âm cuối, thanh điệu). Số lượng thành phần biến đổi trong một âm tiết với tỉ lệ 1/5 chiếm đa số, các trường hợp biến đổi 2/5, 3/5 không nhiều.

Đối với phụ âm đầu, xuất hiện biến thể đặc biệt với sự thể hiện của phụ âm kép *ml* (*mlem*); *trm* (*trmúa*), *hm* (*hmề*). Đây là xu hướng mới trong ngôn ngữ mạng của giới trẻ ngày nay, tuy nhiên ngữ liệu chưa đủ lớn để có thể chỉ ra tính quy luật quy hiện tượng này.

Quan sát các biến thể ngữ âm - chính tả trên mạng của Gen Z, có thể nhận thấy mối quan hệ khá chặt chẽ với phương ngữ vùng miền và phương ngữ địa - xã hội. Có thể nói, Gen Z đã tận dụng biến thể ngữ âm của phương ngữ vùng miền và phương ngữ địa - xã hội để tạo biến thể ngôn ngữ mạng.

Trong không gian mạng, Gen Z có xu hướng tận dụng cách phát âm theo phương ngữ Nam Bộ để tạo ra những biến thể, cụ thể như sau: Cách phát âm âm đầu: /χ/ - /h/ (*không* - *hông*); /z/ - /z/ (*ra* - *da/za*); /v/ - /z/ (*vẽ* - *dẽ/zẽ*); /z/ - /ʎ/ (*rồi* - *gỏi*); Cách phát âm âm chính : /e/ - /ɤ/ (*chết* - *chốt*); /ă/ - /ɛ/ (*thằng* - *thèng*) ; /ɤ/ - /a/ (*hợp* - *hạp*) ; /i/ - /u/ (*xinh* - *xum*); /o/ - /u/ (*lỗi* - *lũ*); Cách phát âm thanh điệu: không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã (*cảm* - *kẽm*); thay thanh ngang bằng thanh hỏi trong phát âm một số từ xưng hô (*em* - *êm*);

Bên cạnh phương ngữ Nam, một số trường hợp biến đổi cách phát âm từ sự tận dụng biến thể phương ngữ Bắc:

- Đồng nhất cách phát âm một số phụ âm đầu: /ʃ/ - /s/; /z/ - /z/ ; /t/ - /c/ (*trời* - *chời*, *chăm* - *trăm*).
- Phát âm lẫn lộn âm đầu ở một số vùng miền Bắc: /l/ - /n/ (*lào* - *nào*, *ló* - *nó*).

Thông qua hình thức phỏng vấn và điều tra bằng bảng hỏi, chúng tôi ghi nhận có hai nguyên nhân hình thành các biến thể ngữ âm - chính tả liên quan đến các cặp phụ âm đầu /ʃ/ - /s/; /z/ - /z/ ; /t/ - /c/; /l/ - /n/. Thứ nhất, do Gen Z có chủ ý thay đổi âm và chữ, phá vỡ luật chính tả về cách dùng phụ âm đầu nói trên để tạo sự mới mẻ. Thứ hai, do sự nhầm lẫn trong cách viết chính tả tồn tại một thời gian dài trở thành thói quen ở một bộ phận giới trẻ. Tuy nhiên nguyên nhân thứ nhất chiếm tỉ lệ lớn hơn, qua đó khẳng định tính chủ động trong việc tạo ra biến thể ngôn ngữ mạng của Gen Z.

Hiện tượng chêm xen âm đệm /w/, kéo theo biến đổi cả âm chính trong phát âm (*thoai* - *thôi*, *chóa* - *chó*) là một trong những biểu hiện của biến thể tự do của phương ngữ địa - xã hội, thường xuất hiện trong cách phát âm của người dân ở một số vùng nông thôn miền Bắc. Tận dụng cách nói năng này, Gen Z đã sáng tạo nên những biến thể ngữ âm - chính tả như: *thoai* (thôi), *troài* (trời), *chóa* (chó)...

Khi sử dụng trong không gian mạng, hình thức thể hiện của ngôn ngữ chủ yếu là ở dạng chữ viết. Do đó song hành với sự biến đổi về ngữ âm, tiếng Việt của Gen Z trên mạng còn biến đổi về cách viết. Biến thể chính tả trong ngôn ngữ mạng của Gen Z thể hiện ở những đặc điểm chủ yếu như sau:

- *Đưa vào sử dụng một số con chữ không có trong bảng chữ cái chữ Quốc ngữ hiện hành*

Các con chữ mới được Gen Z sử dụng để sáng tạo chữ viết trên mạng theo khảo sát của chúng tôi bao gồm: p, z, w, j. Các con chữ này có lúc đứng độc lập và được dùng như một sự thay thế cho con chữ trong hệ thống chữ Quốc ngữ, có lúc kết hợp với một con chữ khác đã có từ trước để tạo tổ hợp con chữ mới ghi âm tiếng Việt. Dưới đây là bảng thống kê sự hiện diện của các con chữ mới trong biến thể ngôn ngữ mạng gen Z:

Bảng 2. Bảng thống kê sự xuất hiện của các con chữ mới trong biến thể ngôn ngữ mạng của Gen Z

Thành phần được biểu thị	STT	Con chữ chuẩn chính tả	Con chữ biến thể	Ví dụ
Âm đầu	1	b	p	<i>pé</i> (bé), <i>pùn</i> (buồn), <i>pa</i> (ba)
	2	d/ r	z	<i>zẹo</i> (đeo), <i>za</i> (da)
	3		dz	<i>dzằm</i> (rằm), <i>dzung</i> (dung/ rung)
	4	đ	đz	<i>đzời</i> (đời), <i>đzã</i> (đã)
	5	gi	j	<i>jầy za</i> (giấy da)
	6	ph	p	<i>pang</i> (phang), <i>pải</i> (phải)
	7		f	<i>fang</i> (phang), <i>fải</i> (phải)
	8	q(u)	w	<i>wá</i> (quá), <i>wý/ wí</i> (quý)
	9	v	z	<i>zui</i> (vui)
	10		dz	<i>dzai</i> (vai)

Âm đệm	11	o, u	w	<i>hwa</i> (hoa), <i>qwa</i> (quả)
Âm chính	12	i	j	<i>bj`nh mịnh</i> (bình minh)
	13	i	j	<i>thôj</i> (thời), <i>vuj</i> (vui)
Âm cuối	14	u	w	<i>đaw</i> (đau), <i>lâu</i> (lâu)

Bảng trên cho thấy, con chữ mới được sử dụng thay thế cho các con chữ đã có trong hệ thống chữ Quốc ngữ để ghi âm đầu là nhiều nhất. Bên cạnh đó còn có hiện tượng một con chữ mới được sử dụng để biểu thị cho nhiều thành phần khác nhau trong âm tiết (z, w, j).

Phá vỡ quy tắc chính tả với các trường hợp không có sự tương ứng 1:1 giữa âm và chữ

Tiếng Việt tồn tại hiện tượng một âm vị được ghi bằng những con chữ khác nhau, trong những trường hợp khác nhau, với các quy ước tương đối cụ thể và hầu hết đều lí giải được. Chính sự đa dạng đó đã trở thành cơ sở cho sự sáng tạo ngôn ngữ mới của cư dân mạng thế hệ Z.

Theo khảo sát, sự phá vỡ quy chuẩn chính tả của biến thể ngôn ngữ Gen Z được biểu hiện như sau:

- Xu hướng dùng chữ *k* thay cho *c* để ghi âm đầu /k/. Ví dụ: *ăn kom* (ăn cơm); *kua gái* (cua gái)...
- Xu hướng dùng chữ *g* thay cho *gh* để ghi âm đầu /ɣ/. Ví dụ: *gét gê* (ghét ghê), *gẹ* (ghẹ)...
- Xu hướng dùng chữ *ng* thay cho *ngh* để ghi âm đầu /ŋ/. Ví dụ: *ngĩ gì đấy* (nghĩ gì đấy), *nge nói* (nghe nói), *ngẹo* (ngheo)...
- Đảo ngược quy luật sử dụng con chữ *i* và *y* để ghi âm chính /i/ hoặc /ie/. Ví dụ: (con) *chym* (chim), (thả) *tym* (tim), *í* (giời) (ý giời), (tối công) *chiện* (chuyện), (người) *iêu* (yêu)...
- Sử dụng con chữ *k* thay cho *c/ch* để ghi âm cuối /k/. Ví dụ: *thik* (thích), *hok* (học)...
- Sử dụng con chữ *q* thay cho *ng* để ghi âm cuối /ŋ/. Ví dụ: *xoq* (xong), (mơ) *mộq* (mộng)...

Thông thường, sự biến đổi về chữ viết sẽ kéo theo và song hành cùng sự biến đổi về ngữ âm, nhưng điểm mới lạ trong biến thể tiếng Việt trên mạng của Gen Z thể hiện ở chỗ: cùng một cách viết sáng tạo nhưng cách đọc lại phụ thuộc vào lựa chọn của người sử dụng. Ví dụ: từ “bé” có thể được đọc là /be5/ hoặc là /pe5/ mặc dù cùng sử dụng biến thể chính tả *pé* khi viết. Các biến thể thuộc ngữ liệu 1,3,4,6,7 trong bảng 2 thể hiện rõ nét hiện tượng trên. Điều này cho thấy tính chất linh hoạt của các biến thể, sự dễ dàng chuyển dịch từ biến thể nhóm xã hội thành biến thể phương ngữ cá nhân.

Tóm lại, biến thể ngữ âm - chính tả là một bình diện khá nổi bật trong biến thể tiếng Việt trên không gian mạng. Việc tận dụng những quy luật biến đổi ngữ âm vốn có hay việc chủ động sáng tạo cách viết mới hầu hết đều nhằm mục đích tạo ra sự ấn tượng, độc đáo, phá cách, tác động không chỉ đến thính giác mà còn đến thị giác của người tiếp nhận thông tin trong quá trình giao tiếp trên không gian mạng của Gen Z.

4.1.2. Biến thể từ ngữ tiếng Việt

(1) Biến đổi từ có sẵn trong tiếng Việt

** Sử dụng một từ đa âm tiết có một thành tố đồng âm với từ đơn tiết để thay thế cho từ đơn tiết*

Một hiện tượng khá thú vị trong biến thể từ ngữ mạng của Gen Z là việc sử dụng một từ đa âm tiết có một thành tố đồng âm với một từ đơn tiết để thay thế cho từ đơn tiết trong ngữ cảnh lẽ ra phải sử dụng từ đơn tiết đó. Chẳng hạn: thay vì sử dụng từ *lâu* (tính từ, nghĩa là tồn nhiều thời gian), giới trẻ sáng tạo bằng cách sử dụng từ *đầu lâu*. Từ này chứa thành tố *lâu* đồng âm với từ gốc cần sử dụng trong ngữ cảnh: *Hôm qua làm gì mà đầu lâu thế, đợi mãi!* (Hôm qua làm gì mà lâu thế, đợi mãi!). Sau đây là một vài ngữ liệu tương tự khác:

- *Rót cho Cao Bằng vào.* (Rót cho bằng vào.)
- *Anh ấy có vẻ bỏ kết cậ rồi đấy!* (Anh ấy có vẻ kết cậ rồi đấy)
- *Bữa nay Cam Bu Chia nhé.* (Bữa nay chia nhé.)

- Cà dốt (rốt) thế, có thế mà không làm được. (Dốt thế, có thế mà không làm được.)
- Chán vãi, nay chẳng oai phục gì. (Chán vãi, nay chẳng kiêu được gì.)
- * Rút gọn các từ song tiết thành từ đơn tiết

Trong biến thể từ ngữ mạng của Gen Z còn có hiện tượng rút gọn các từ ghép song tiết thành đơn tiết. Thành tố được rút gọn khá linh hoạt, có thể là thành tố thứ nhất hoặc thứ hai. Thành tố được chọn để giữ lại có thể là những thành tố có nghĩa nổi trội, có khả năng đại diện nghĩa cho cả từ, ví dụ: *chất* (*chất lượng*), *nghe* (*nghe sĩ*). Bên cạnh đó cũng xuất hiện cả trường hợp thành tố được giữ lại vốn ít khi được dùng độc lập mà thường chỉ là thành tố tạo từ, ví dụ: *hốt* (*hốt hoảng*), *vã* (*vật vã*), *nghia* (*ngắm nghia*), *cộ* (*xe cộ*), *báo* (*báo hại*)...

- Set đồ cô hầu gái hum wa còq nhận chất đấy! (Set đồ cô hầu gái hôm qua công nhận chất lượng đấy!)
- Thằng Tư nhà cô Năm báo wá chời báo. (Thằng Tư nhà cô Năm báo quá trời báo - ý muốn nói gây họa cho người khác).
- Mua thì mua đi, nghia nãy giờ mòn cả váy rồi. (Mùa thì mua đi, ngắm nghia nãy giờ mòn cả váy rồi.)

* Mở rộng nghĩa của từ

Sự biến đổi ý nghĩa của từ là một trong những hình thức hoạt động cơ bản của hệ thống từ vựng để đáp ứng nhu cầu biểu đạt thông tin mà không làm gia tăng quá nhiều số lượng từ của một ngôn ngữ.

Trong ngôn ngữ Gen Z cũng xuất hiện hiện tượng cấp thêm nghĩa mới cho từ vốn có, tạo nên tính đa nghĩa cho từ đơn nghĩa hoặc mở rộng thêm nghĩa cho từ đa nghĩa.

Bảng 3. Bảng thống kê các nghĩa mới của một số từ vốn có xuất hiện ở biến thể ngôn ngữ mạng của Gen Z (quy chiếu với nghĩa được ghi trong từ điển)

TT	Biến thể	Nghĩa vốn có trong từ điển	Nghĩa mới	Ví dụ minh họa
1	<i>bay màu</i>	1. mất đi màu sắc [12]	2. biến mất	A: Sao tôi không tìm được nhóm trên fb (facebook) nhỉ? B: Chắc ông bị ad (admin) cho bay màu rồi!
2	<i>đăng xuất</i>	1. ngắt kết nối, kết thúc phiên làm việc của tài khoản trong một hệ thống mạng máy tính [13]	2. chết	Làm thế rồi có ngày đăng xuất khỏi trái đất.
3	<i>lượn</i>	1. lối hát đối đáp giữa trai và gái của dân tộc Tày, làn điệu phong phú. (<i>hát lượn</i>) 2. chao nghiêng để bay vòng trên không. (<i>bướm lượn</i>) 3. đi qua vòng lại nhiều lần quanh vị trí nào. (<i>lượn phố</i>) 4. làn (<i>lượn sóng</i>) [11, tr.1074]	5. đi chỗ khác	Lượn đi cho nước nó trong.
4	<i>quẩy</i>	1. thức ăn làm bằng bột mì trộn thuốc nở rồi rán, hình dài. (<i>quẩy nóng giòn</i>) 2. mang đi bằng cách gánh. (<i>quẩy gánh hàng ra chợ</i>) [11, tr.1374]	3. vui chơi, nhảy múa, ca hát, tiệc tùng	- Quẩy lên anh em ơi!
5	<i>toang</i>	1. có độ mở, độ hở rộng hết cỡ, trông như banh cả ra (<i>cửa mở toang, quần áo rách toang...</i>); 2. bị tan ra từng mảnh, không còn nguyên vẹn (<i>nổ toang, cái lọ rơi xuống đất vỡ toang...</i>); 3. như toáng (<i>la toang lên, chuyện gì cũng toang ra hết...</i>). [14]	4. mất kiểm soát 5. vỡ kế hoạch, hủy bỏ kế hoạch 6. đổ vỡ, mất mát (về tình cảm)	- Thôi toang rồi, dịch lan cả xã rồi! - Lịch phượt toang rồi nhé! - Tiền hết, tình toang.

6	<i>xoắn</i>	1.vặn hai đầu một vật hình sợi. (<i>xoắn thanh sắt đã nung đỏ</i>) 2. vặn chéo vào quần chặt lấy nhau. (<i>xoắn dây thừng</i>) 3. quần, bám chặt lấy. (<i>con xoắn lấy mẹ.</i>) [14]	4. lo lắng, mất bình tĩnh khiến mọi việc thêm rối rắm	- Sao phải xoắn nhờ?
---	-------------	--	---	----------------------

Trong tiếng Việt, một số từ ngữ được tập hợp thành một trường nghĩa chuyên được sử dụng trong một phạm vi nhất định. Khảo sát ngữ liệu ngôn ngữ trên mạng của giới trẻ, chúng tôi nhận thấy có sự dịch chuyển phạm vi, lĩnh vực của từ, để biểu thị những lĩnh vực, đối tượng hoàn toàn mới.

- Các từ thuộc phạm trù tôn giáo, tâm linh như *tín đồ, thần thánh, thánh, thần tiên, ngọc nữ, ...* được giới trẻ sử dụng trong lĩnh vực đời sống sinh hoạt, giải trí..., tạo ra các biểu thức ngôn ngữ như *tín đồ thời trang, chiếc bút thần thánh, thánh soi, thánh công sở, ngọc nữ làng giải trí...*

- Các từ thường chỉ xuất hiện trong game (trò chơi điện tử) đã được sử dụng ở địa hạt rộng hơn trong giao tiếp thông thường trên mạng: *chiến thần, trùm cuối, đả nữ, liên minh, liên quân, khô máu, phá đảo, gà chiến, ngựa chiến, gánh tym (team), móc lớp, dẹo...*

Ngoài các phương thức trên, các nghĩa mới của một số từ trong ngôn ngữ Gen Z còn được tạo ra từ phương thức ẩn dụ, hoán dụ. Ví dụ: *thả thính, rắc thính* (tán tỉnh ai đó), *thả tim, bắn tim* (thể hiện tình cảm), *rụng trứng* (trạng thái si mê ai đó), *phèn* (quê mùa, phong thái kém sang), *bánh bèo* (điều đà, hay làm nũng), *trẻ trâu* (trẻ con - hàm ý chỉ tính cách), *trâu* (bền/ khỏe), *săn học bổng, săn vé* (tìm kiếm), *chăn rau, chăn chuối* (nghĩa tục, chỉ việc đi tìm trai/gái), *đắng lòng, ảo, đơ, ngáo, não phẳng, xiu* (chỉ trạng thái thích thú đến mê mết có thể ngất đi), *đẩy viu (view)* - chỉ hành động tăng tương tác trên mạng xã hội... .

(2) Tạo từ mới hoàn toàn

Tạo từ mới là cách thức Gen Z sử dụng những chất liệu và phương thức tạo từ vốn có của tiếng Việt để tạo nên từ ngữ chưa được thống kê trong từ điển tiếng Việt phổ thông hoặc mối liên hệ về nghĩa với nghĩa của từ được ghi nhận trong từ điển gần như không có. Dưới đây là kết quả khảo sát các từ ngữ mới tính trong khoảng thời gian 5 năm trở lại đây (từ năm 2018).

Bảng 4. Các từ ngữ (tiếng Việt) mới trong hệ thống biến thể ngôn ngữ mạng của Gen Z

TT	Từ mới	Từ loại (điển hình)	Nghĩa	Ví dụ
1	<i>bạc xiu</i>	tính từ	đẹp non tơ	<i>Pé iu bạc xiu quá đi!</i>
2	<i>chả chua</i>	tính từ	gợi cảm (nói đến vẻ đẹp gợi lên những cảm xúc thiên về tình thân, tạo nên sự hưng phấn nhẹ nhàng)	<i>Chiếc áo hai dây này mặc lên sẽ làm bà chả chua hơn nhiều đấy!</i>
3	<i>chả quyen</i>	tính từ	ngọt ngào (miêu tả diện mạo bên ngoài của ai đó)	<i>Hôm nay chả quyen vãi nha.</i>
4	<i>chả lựa</i>	tính từ	trắng trẻo, hồng hào	<i>Dạo này nhìn da dẻ chả lựa quá, có bí quyết gì không?</i>
5	<i>keo ly</i>	tính từ	nhìn muốn cắn (khi nhìn một vật/người mà khiến cho có cảm giác muốn được thưởng thức)	<i>Nhìn miếng thịt mới nướng xong, thật là muốn keo ly nó ngay quá!</i>
6	<i>ló</i>	tính từ	xấu xí	<i>Xe này ló quá! (Xe này xấu quá!)</i>
8	<i>mận</i>	tính từ	mặn mà (khen ngợi ai đó về ngoại hình hoặc tính cách hài hước, cảm thán trước một sự việc hay hành động của ai đó rất đáng để ngưỡng mộ)	<i>Ai đồ (idol) của tui mãi mặn! (Thần tượng của tôi mãi đáng ngưỡng mộ.)</i>

9	<i>mlem mlem</i>	tính từ / động từ	thèm khát, cảm giác thèm thường một món ăn, món đồ hay một người nào đó	- <i>Thứ món mới này đi. Nói chung mlem mlem.</i> (TT) - <i>Nhìn chúng nó mlem mlem géc gê.</i> (ĐT)
10	<i>ô</i>	thán từ	Trạng thái cảm xúc khi nhìn thấy một đối tượng dễ thương (= <i>ôi</i>)	<i>Ô! Chiếc mèo này iu quá đi.</i>
11	<i>ô dề</i>	tính từ	hành vi lỗ lã, làm quá	<i>Đừng làm thế nữa, ô dề lắm.</i>
12	<i>sốt cà</i>	tính từ	cá tính	<i>Nhỏ coi vậy mà sốt cà dữ!</i>
13	<i>tái châu</i>	tính từ	ngây thơ	<i>Bộ đồ hôm nay làm em nhìn tái châu hơn đây!</i>
14	<i>trằm</i>	tính từ	mong manh, yếu đuối (dùng với nghĩa tiêu cực)	<i>J mà trằm dữ dzây mé?</i> <i>(Gì mà trằm dữ vậy má?)</i>
15	<i>trình</i>	tính từ	quyến rũ, hấp dẫn (dùng để miêu tả vẻ đẹp ngoại hình hoặc giọng hát)	<i>Giọng hát của bạn trình quá, vậy mà lâu nay giấu hoài.</i>
16	<i>vãi</i>	phó từ	chỉ mức độ (= <i>quá, rất</i>)	<i>Đẹp vãi/ vãi chương/ vãi lúa/ vãi linh hồn</i>
17	<i>xu (cà na)</i>	tính từ	xui xẻo, chán nản, mệt mỏi	<i>Hôm nay xu cà na quá đi. Nhậu cái cho đỡ buồn đi.</i> <i>(Hôm nay xui xẻo quá, nhậu cái cho đỡ buồn đi.)</i>

4.1.3. Một số kết cấu ngữ pháp mới lạ

Biên thể ngôn ngữ không chỉ thể hiện ở cấp độ từ mà còn thể hiện ở quy tắc kết hợp để tạo nên các đơn vị lớn hơn trong giao tiếp. Chúng tôi tập trung khảo sát chủ yếu các kết cấu ở phạm vi dưới câu và một số cấu trúc ngữ pháp lặp lại, qua đó bước đầu khái quát đặc trưng lối diễn đạt ngôn ngữ của giới trẻ trong không gian mạng.

Về hình thức, các cụm từ trong kết cấu ngôn ngữ giới trẻ vẫn là các cụm từ tự do, bao gồm cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, nhưng về ngữ nghĩa, các cụm từ này ngày càng bộc lộ xu hướng cố định hóa và được sử dụng như một đơn vị nguyên khối như từ trong quá trình giao tiếp, với tần suất sử dụng lặp lại cao.

Bảng 5. Một số cụm từ có xu hướng cố định hoá

TT	Cụm từ	Nghĩa biểu thị	Ngữ cảnh minh họa
1	<i>ảo tưởng sức mạnh</i>	phát ngôn hoặc biểu hiện tự tin thái quá vào khả năng của bản thân.	<i>Cha nội này ảo tưởng sức mạnh quá đi!</i>
2	<i>cười không nhặt được mồm/ miệng</i>	cười không ngừng được	<i>Nghe bỏ kể chuyện đúng là cười không nhặt được mồm.</i>
3	<i>chuẩn com mẹ nấu / chuẩn con mẹ nó</i>	rất chuẩn	<i>Cậu vào trường ấy thì chuẩn com mẹ nấu rồi.</i>
4	<i>chuẩn không cần chỉnh</i>	rất chuẩn	<i>Làm như này là chuẩn không cần chỉnh.</i>
5	<i>con nhà người ta</i>	kể về một ai đó với ý ca ngợi và ngầm so sánh.	<i>Trên đời tôi sợ nhất một con, đó là con nhà người ta.</i>
6	<i>anh hùng bàn phím</i>	những người giỏi nói chuyện trực tuyến nhưng ngoài đời thật thì gần như vô dụng.	<i>Hắn ta chỉ giỏi anh hùng bàn phím thôi, chả có gì phải sợ.</i>
7	<i>hồng nhan bạc tử</i>	những cô gái xinh đẹp, giỏi giang dễ dàng có được cuộc sống giàu sang, sung sướng	<i>Lo gì bà ơi, số bà hồng nhan bạc tử rồi.</i>
8	<i>khoảnh khắc chuột</i>	trạng thái cô đơn, trống vắng	<i>Giờ cô ấy mới thấm khoảnh khắc chuột là thế nào.</i>

9	<i>đỡ nghèo khi</i>	cách nói lái của “đỡ nghèo khổ”, châm biếm những người luôn than thở về sự nghèo khổ của mình.	<i>Nay ra đường gặp ngay đỡ nghèo khi mày ả, hãm vãi!</i>
10	<i>giang cư mạn</i>	đọc lái của “cư dân mạng”, dùng với nghĩa mỉa mai những người hay a dua theo số đông, không có chính kiến, không biết chọn lọc thông tin, dễ bình luận tiêu cực trên mạng xã hội	<i>Khổ thân con bé, lại bị giang cư mạn tấn công rồi.</i>
11	<i>chảy máu mũi/xịt máu mũi/hộc máu mũi</i>	mức độ cao của cảm xúc	<i>Ồi em này xinh chảy máu mũi.</i>
12	<i>nhức cái nách</i>	hết cỡ, hết sảy	<i>Món canh ngon nhức cái nách.</i>
13	<i>đỉnh của chóp</i>	rất giỏi	<i>Bản thiết kế đỉnh của chóp đấy!</i>
14	<i>xách ba lô lên và đi</i>		tùy ngữ cảnh
15	<i>đẹp từng xen ti mét</i>		tùy ngữ cảnh
17	<i>mang tiền về cho mẹ</i>		tùy ngữ cảnh
18	<i>chạy đi chờ chi</i>		tùy ngữ cảnh
19	<i>quá nhanh quá nguy hiểm</i>		tùy ngữ cảnh
20	<i>để Mị nói cho mà nghe</i>		tùy ngữ cảnh

- Ngữ liệu từ 1 đến 7 thể hiện tính thành ngữ khá cao, về mặt nào đó có thể gọi đó là các thành ngữ hiện đại của thế hệ Gen Z.

- Ngữ liệu từ 8 đến 10 có tính thành ngữ thấp hơn, mang nghĩa định danh nhiều hơn, có thể xếp vào nhóm ngữ cố định định danh trong kết cấu ngôn ngữ mới.

- Ngữ liệu từ 11 đến 13 có kết cấu lỏng lẻo hơn, tính biểu trưng thấp hơn. Tuy nhiên tần suất sử dụng lặp lại của các cụm từ đã khẳng định xu hướng gắn kết về cấu tạo giữa các thành tố trong tổ hợp và tính biểu thái trong ngữ nghĩa.

- Ngữ liệu từ 14 đến 20 có nguồn gốc ra đời đều từ ảnh hưởng của thế giới truyền thông như phim ảnh, âm nhạc, các chương trình truyền hình thực tế... Đi vào ngôn ngữ giới trẻ, các cụm từ này giảm tư cách cụm từ tự do vốn có mà trở thành một kết cấu có xu hướng cố định, biểu thị một ý nghĩa ổn định. Chức năng của các cụm từ là chức năng miêu tả.

Bên cạnh sự xuất hiện của các cụm từ mang xu hướng cố định, trong ngôn ngữ giới trẻ trên mạng còn tồn tại một số cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến, có chức năng như một khuôn cấu trúc để tạo lập câu. Ví dụ:

- Cấu trúc “... và cái kết”. Ví dụ: *Chủ tịch giả nghèo và cái kết; Đám cưới xa hoa nhất Vịnh Bắc Bộ và cái kết; Xin mẹ đi chơi với gấu và cái kết.*

- Cấu trúc “Có một... không hề nhẹ”. Ví dụ: *Có một sự thay đổi không hề nhẹ; Có một sự giận dữ không hề nhẹ; Có một sự thiên vị không hề nhẹ.*

Đặc điểm của thế hệ Gen Z là những người thích tạo ra xu hướng và/hoặc chạy theo xu hướng xã hội, việc sử dụng những cấu trúc câu người khác đã dùng chủ yếu để thỏa mãn nhu cầu giải trí, tạo tiếng cười, tạo dấu ấn phong cách. Các cấu trúc này tính ổn định không cao và dễ dàng bị thay thế bởi cấu trúc mới hơn.

4.2. Biến thể tiếng nước ngoài của Gen Z trên không gian mạng

Việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai đan xen bản ngữ tạo ra sự trộn mã ngôn ngữ là hiện tượng khá phổ biến trong các ngôn ngữ trên thế giới, tiếng Việt cũng không ngoại lệ. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng giới trẻ là đối tượng có xu hướng chêm xen ngoại ngữ trong lời nói tiếng Việt mạnh mẽ nhất. Hiện

tượng này xuất hiện ở nhiều ngữ cảnh, nhiều môi trường giao tiếp. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi tập trung làm rõ đặc điểm của hiện tượng trên qua ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ ở không gian mạng. Do vậy, trường từ vựng thuộc diện khảo sát đã được sàng lọc, chủ yếu xoay quanh những vấn đề liên quan đến đời sống của Gen Z. Cụ thể đó là các nhóm: Từ ngữ chỉ các kiểu người, tính cách con người theo nhân sinh quan của giới trẻ; Từ ngữ miêu tả đời sống tinh thần của giới trẻ; Từ ngữ thuộc lĩnh vực truyền thông, giải trí; Từ ngữ chuyên dụng trong các diễn đàn mạng phổ biến.

Đặc điểm dễ nhận thấy nhất đó là trong số các mã ngôn ngữ nhúng (embedded language) được lựa chọn chêm vào lớp từ vựng bản địa (tiếng Việt), tiếng Anh là ngôn ngữ chiếm tỉ lệ cao nhất. Ngoài ra còn có sự xuất hiện của tiếng Thái Lan, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc.

Về cơ bản, các biến thể tiếng nước ngoài được sử dụng trong ngôn ngữ mạng của Gen Z được biểu hiện trên các bình diện sau: Biến thể ngữ âm, chính tả; Biến thể từ vựng được tạo trên cơ sở tiếng nước ngoài. Việc sử dụng tiếng nước ngoài dưới dạng nguyên ngữ không nằm trong phạm vi khảo sát của chúng tôi.

4.2.1. Biến thể ngữ âm, chính tả

Sự sáng tạo của Gen Z thể hiện rõ nét qua việc Việt hoá các từ ngữ nước ngoài từ cách phát âm đến cách viết. Quan sát bảng thống kê sau:

Bảng 6. Bảng thống kê biến thể ngoại ngữ Việt hoá cách đọc và viết trong ngôn ngữ mạng của Gen Z

TT	Biến thể Việt hoá	Ngôn ngữ gốc	Nghĩa sử dụng trong giao tiếp tiếng Việt
1	<i>binh chi linh / bing chilling</i>	<i>bīngqílín</i> (tiếng Trung)	- cây kem
2	<i>cà thoi</i>	กะเทย (tiếng Thái)	- người chuyển giới nam thành nữ hoặc một đồng tính nam
3	<i>chu pa pi mô nha nhô</i>	<i>Chu papi muñoz</i> (tiếng Tây Ban Nha) - nghĩa là sự nhầm lẫn	- khi ai đó bày ra một trò đùa và bị phát hiện, họ sẽ nói <i>chu pa pi mô nha nhô</i> với ý “không phải tôi”, “có chuyện gì vậy”, “tôi không biết chuyện gì đang xảy ra cả”... nhằm mục đích đánh lạc hướng người bị trêu.
4	<i>ét ô ét</i>	SOS (viết tắt)	- cứu với
5	<i>gét gô</i>	<i>let's go</i>	- đi thôi
6	<i>hê lô/ hê nhô/ hê sô lô hơ sô li</i>	<i>hello</i>	- xin chào
7	<i>hốt gơ</i>	<i>hot girl</i>	- gái xinh
8	<i>kệp ngắn</i>	เก็บเงิน (tiếng Thái)	- dành dụm tiền: <i>Cố gắng kệp ngắn cuối năm lấy vợ.</i> (Cố gắng dành dụm tiền cuối năm lấy vợ)
9	<i>ku te (cu te)</i>	<i>cute</i>	- dễ thương: <i>Em kia cu te hột me gê!</i>
10	<i>mai đệt ti ni</i>	<i>my destiny</i>	- định mệnh đời tôi: <i>Anh ấy là mai đệt ti ni.</i> (Anh ấy chính là định mệnh của đời tôi.)
11	<i>men lì</i>	<i>manly</i>	- nam tính
12	<i>meo / i meo</i>	<i>email</i>	- thư điện tử
13	<i>mì chọt số</i>	미쳤어(요) (tiếng Hàn)	- cậu bị điên à?
14	<i>nai xừ</i>	<i>nice</i>	- tuyệt vời
15	<i>ơ mây dinh gút chớp</i>	<i>amazing good job</i>	- làm tốt, tuyệt vời: <i>Ơ mây dinh gút chớp em.</i> (Thật tuyệt vời, làm tốt lắm em.)
16	<i>pha ke</i>	<i>fake</i>	- giả: <i>Cô kia lại dùng hàng pha ke rồi!</i>
17	<i>thăm ngàn</i>	ทำงาน (tiếng Thái)	- làm việc: <i>Thăm ngàn lên anh em ơi!</i> (Chăm chỉ làm việc lên anh em ơi!)

Hiện tượng biến thể cách đọc và viết ngoại ngữ này là do cách phát âm lệch chuẩn của người Việt, do đó hiện tượng này chỉ xuất hiện trong tiếng Việt, ở các ngôn ngữ khác, biến thể sẽ biểu hiện ở hình thức khác.

Một đặc điểm sáng tạo chữ viết tiếng Anh khác là dạng viết tắt bằng các chữ cái và con số theo nguyên tắc đồng âm hoặc gần âm của tiếng Anh. Trong giao tiếp, giới trẻ ưa chuộng cách viết kiểu như: *S1* (someone), *2u* (to you), *s2u* (same to you), *F2F* (face to face), *4u* (for you), *4rum* (forum), *be4* (before), *4ever* (forever), *G9* (good night), *F5* (refresh), *FA* (forever alone)... Hiện tượng này không chỉ phổ biến ở giới trẻ Việt Nam mà còn ở các nước trên thế giới.

4.2.2. Biến thể từ vựng

Không chỉ chêm xen tiếng nước ngoài trong ngôn ngữ tiếng Việt, giới trẻ còn thiết lập một số mã ngôn ngữ mới trên cơ sở kết hợp giữa âm tiết tiếng Việt và tiếng nước ngoài hoặc một số quy ước khác. Ngoại ngữ được chọn làm cơ sở sáng tạo từ mới trong các biến thể này tuyệt đại đa số là tiếng Anh. Mã ngôn ngữ dạng này hầu hết chỉ tiêu cộng đồng Gen Z mới có thể hiểu và sử dụng để tương tác với nhau.

Bảng 7. Biến thể từ mới tiếng Việt trên cơ sở tiếng Anh

TT	Biến thể	Cơ chế cấu tạo	Nghĩa sử dụng
1	<i>bủh</i>	- sử dụng lỗi gõ bàn phím để tạo từ mới: <i>bủh</i> = <i>bruh</i> (âm thanh của sự chán chường)	thán từ nhấn mạnh sự chán nản, thất vọng của một người trước một sự việc, hành động, tình huống cụ thể.
2	<i>cpink</i>	- kết hợp con chữ ghi âm tiếng Việt với con chữ ghi âm tiết tiếng Anh: <i>cpink</i> = <i>c</i> + <i>pink</i> (hồng) = chồng	chồng
3	<i>dảk</i>	- sử dụng lỗi gõ bàn phím để tạo từ mới <i>dảk</i> = <i>dark</i> (tăm tối)	tăm tối (cảm xúc tiêu cực)
4	<i>fishu</i>	- kết hợp con chữ ghi âm tiếng Việt với con chữ ghi âm tiết tiếng Anh: <i>fishu</i> = <i>fish</i> (cá) + <i>u</i> = cáu	cáu
5	<i>figc</i>	- kết hợp con chữ ghi âm tiếng Việt với con chữ ghi âm tiết tiếng Anh: <i>figc</i> = <i>big</i> (bự) + <i>c</i> = bực	bực (tức giận)
6	<i>fourk</i>	- kết hợp con chữ ghi âm tiếng Việt với con chữ ghi âm tiết tiếng Anh: <i>four</i> (bốn) + <i>k</i> = bóng	bóng
7	<i>lemón</i>	- kết hợp con chữ ghi âm tiếng Việt với con chữ ghi âm tiết tiếng Anh: <i>lemón</i> = <i>lemon</i> (chanh) + <i>dấu hỏi</i> = chanh	chanh (kiểu ngạo)
8	<i>in tư</i>	- sử dụng yếu tố đồng âm và kí hiệu viết tắt: <i>in tư</i> = <i>in 4</i> (four) = information	thông tin (<i>Em xinh quá, cho anh xin in tư được không?</i>)
9	<i>phanh xích lô</i>	- sử dụng tư duy logic bắc cầu, kết hợp yếu tố gần âm giữa tiếng Việt và tiếng Anh: <i>phanh xích lô</i> - tạo ra tiếng “kít” = <i>kiss</i> = hôn	hôn (<i>Bao giờ mới được phanh xích lô nàng đây?</i>)

Qua các ví dụ điển hình trên ta thấy, các mã ngôn ngữ mới do Gen Z tạo ra là có quy tắc, nhưng những quy tắc đó chưa mang tính hệ thống cao, phụ thuộc nhiều vào tính cá nhân hoá của người sáng tạo nên nó.

5. Kết luận

Ngôn ngữ là mã giao tiếp tồn tại trong cộng đồng được mọi người quy ước với nhau. Thế hệ Gen Z cũng là một cộng đồng thu nhỏ và đã tạo nên những mã ngôn ngữ phục vụ nhu cầu giao tiếp trong cộng đồng của mình. Kết quả khảo sát đã tập trung làm rõ một số đặc điểm về ngôn ngữ mạng của thế hệ Gen Z, chủ yếu trên các bình diện: biến thể ngữ âm - chính tả, biến thể từ ngữ và một số kết cấu ngữ pháp. Trong số các đặc điểm trên, có những đặc điểm thể hiện quy luật phát triển khách quan của tư duy ngôn ngữ giới trẻ, phù hợp với trình độ, nhận thức, đặc điểm tâm lý xã hội của đối tượng. Bên cạnh đó, có những đặc điểm thể hiện sự sáng tạo, mới mẻ, thậm chí khó nắm bắt.

Với sức ảnh hưởng mạnh mẽ của mình, một phần ngôn ngữ Gen Z đã lan tỏa và được tiếp nhận bởi cộng đồng mạng rộng hơn. Ngược lại, việc liên tục phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ chung khiến cho sản phẩm ngôn ngữ của họ gặp phải những ý kiến trái chiều, đó là sáng tạo hay là lệch chuẩn. Hiện tại, ngôn ngữ Gen Z vẫn chỉ dừng lại là một nhánh của biến thể ngôn ngữ mạng, chưa đủ cơ sở để phát triển thành một hệ thống rõ ràng. Việc xem xét giá trị của một trào lưu ngôn ngữ xét ở khía cạnh văn hoá giao tiếp còn là vấn đề của thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2009.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2016.
3. Nguyễn Văn Hiệp, Đinh Thị Hằng, *Thực trạng sử dụng tiếng Việt "phi chuẩn" của giới trẻ hiện nay nhìn từ góc độ ngôn ngữ học xã hội*, TC Ngôn ngữ & Đời sống, Số 5, 2014.
4. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
5. Nguyễn Văn Khang, *Một số vấn đề về ngôn ngữ mạng tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015.
6. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ mạng, Biến thể ngôn ngữ trên mạng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2019.
7. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học, NXB Đà Nẵng, 2008.
8. Nguyễn Đức Tồn, Đồng Thị Hằng, *Ngôn ngữ giới trẻ có phải tiếng lóng cần chuẩn hoá*, TC Ngôn ngữ, Số 8, 2014.
9. Đỗ Thùy Trang, *Một số cách thức tạo từ lóng của giới trẻ trên báo chí hiện nay*, TC Ngôn ngữ & Đời sống, Số 2, 2017.
10. Đỗ Thùy Trang, *Từ ngữ tiếng Anh như là sự trộn mã trên báo chí tiếng Việt hiện nay*, Hội thảo Ngữ học toàn quốc, NXB ĐHQG Hà Nội, 2015.
11. Nguyễn Như Ý, *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hoá - Thông tin, 1999.
12. <https://chunom.net/Tu-dien/Y-nghia-cua-tu-bay-mau-75076.html>
13. <https://vi.wiktionary.org/>
14. <https://vtudien.com/viet-viet/dictionary>
15. Fasold Ralph, *The sociolinguistics of society*, Oxford - Brasil, Blackwell Ltd, 1990.